

Bản án số: 19/2023/DS-ST

Ngày: 14-6-2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Sương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Phi Hùng – Cán bộ nghỉ hưu.

2. Ông Sơn Mút – Cán bộ nghỉ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Huyền Trang – Thư ký Tòa án,
Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh: Không
tham gia.**

Ngày 14 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2023/QĐST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trương Quang H1, sinh năm: 1965

Nơi cư trú: Số A, đường B, phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trương Quang H1: Ông Nguyễn Mạnh K, sinh năm 1962; Nơi cư trú: Số Đ, đường H, phường G, thành phố F, tỉnh Vĩnh Long. (Theo giấy ủy quyền ngày 17/01/2022) - Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trương Quang H1: Luật sư Nguyễn Quốc H2 – Trưởng Chi nhánh Công ty Luật TNHH Chấn H & Cộng sự tại Vĩnh Long.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Huỳnh Tấn L1, sinh năm 1976;

Nơi cư trú: Số J, tổ L, khu vực 8, phường V, quận N, thành phố Cần Thơ - Vắng mặt.

2.2. Bà Trần Thị G (Tên thường gọi là M), sinh năm: 1981

Nơi cư trú: Tổ S, ấp X, xã N, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long - Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trần Kim Tử L2, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Tổ S, ấp X, xã N, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 11 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn ông Trương Quang H1 có người đại diện ông Nguyễn Mạnh K trình bày:

Ông Trương Quang H1 có mối quan hệ là người thân với ông L1 và bà G, cho nên vợ chồng ông Huỳnh Tấn L1 và bà Trần G có đến nhà của ông Trương Quang H1 để yêu cầu ông H1 giúp đỡ nên ông H1 đồng ý cho hai vợ chồng ông L1 và bà G mượn vốn làm ăn. Qua các lần mượn cụ thể như sau:

- Lần 1: Vào ngày 18/4/2020, mượn số tiền là 170.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng), không có tính lãi suất, phương thức trả tiền vào ngày 01 hàng tháng, ông L1, bà G sẽ chuyển trả cho ông H1 số tiền là 10.000.000 đồng, trả cho đến khi hết số nợ.

Để làm niềm tin ông L1, bà G có đưa cho ông H1 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất như sau:

+ 01 (Một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất mang số BO 291206 do bà Trần Thị G đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ 01 (Một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất mang số DB 058606 do ông Huỳnh Tấn L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vì chỗ ông L1 (là em vợ ông H1), nên ông H1 cũng không muốn nhận cầm cố quyền sử dụng đất gì hết, mà ông H1 muốn giúp vợ chồng ông L1, bà G làm ăn nên ông H1 cho vay chứ ông H1 không có cầm cố đất nên không giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng ông L1 và bà G đồng ý giao cho ông H1 giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm niềm tin.

Sau khi vay được khoảng 3 tháng, thì phía ông L1 và bà G đã trả cho ông H1 được số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) vào tháng 6/2020 cho đến nay thì ông L1, bà G chưa trả cho ông H1 được khoản nào hết. Sau đó, ông H1 có nhiều lần điện thoại rồi đến nhà đòi nhưng ông L1, bà G cũng chưa trả cho ông H1. Hiện nay, bà G và ông L1 còn nợ lại ông H1 số tiền là 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

Nay ông Nguyễn Mạnh K - Làm đại diện cho ông Trương Quang H1 yêu cầu vợ chồng ông Huỳnh Tấn L1 và bà Trần Thị G có trách nhiệm thanh toán lại cho ông Trương Quang H1 số tiền nợ còn lại là: 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng). Ông H1 không yêu cầu tính lãi. Sau khi ông L1 và bà G trả đủ số tiền 140.000.000 đồng cho ông H1 thì ông H1 đồng ý trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể là: Một (01) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 291206 do bà Trần Thị G đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và một (01) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 058606 do ông Huỳnh Tấn L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tòa án đã gửi các văn bản thủ tục tố tụng cho các bị đơn là ông Huỳnh Tấn L1 và bà Trần Thị G, nhưng các đương sự không đến tham gia phiên hòa giải được lần nào. Mà trong quá trình Tòa án giải quyết thì ông L1 và bà G đã gửi bản khai qua đường bưu điện thể hiện như sau:

Tại bản khai đề ngày 07/3/2023, bị đơn ông Huỳnh Tấn L1 trình bày:

Vào năm 2019, ông Huỳnh Tấn L1 và ông Trần Kim Tử L2 (em vợ ông L1), sinh năm 1991 có đến nhà của ông Trương Quang H1 ở thành phố Hồ Chí Minh. Vì ông L2 nói với ông L1 rằng ông L2 mượn tiền của ông H1, ông L2 lên thành phố Hồ Chí Minh để nhận tiền và rủ ông L1 đi cùng. Tại nhà ông H1, ông L1 chứng kiến việc ông L2 mượn tiền của

ông H1. Tại nhà ông H1, ông L1 chứng kiến ông L2 nhận tiền của ông H1, nên ông L1 đề nghị đưa ông L2 vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn ông L1 chỉ là người chứng kiến việc vay mượn giữa ông L2 và ông H1. Sự việc xảy ra chỉ có ông L1 biết còn vợ ông là bà Trần Thị G không hề biết việc này.

Tại bản khai đề ngày 05/01/2023, bị đơn bà Trần Thị G trình bày:

Bà Trần Thị G là vợ của ông Huỳnh Tấn L1 và cũng là bị đơn trong vụ việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo thông báo thụ lý vụ án số 231/2022/TB-TLVA ngày 05/12/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long và nguyên đơn là ông Trương Quang H1 trong vụ tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo thông báo thụ lý vụ án, ông H1 yêu cầu bà G và ông L1 có trách nhiệm trả cho ông H1 số tiền 140.000.000 đồng là bà G không đồng ý với các lý do sau:

Thứ nhất: Bà G cho rằng bà không có vay mượn tiền của ông H1 còn chồng bà là ông Huỳnh Tấn L1 có vay tiền của ông H1 không thì bà không biết rõ.

Thứ hai: Bà Trần Thị G và ông Huỳnh Tấn L1 hiện không cùng hộ khẩu với nhau và cũng không có tạm vắng, tạm trú cùng địa chỉ với nhau nên bà G không biết hiện ông L1 đang ở đâu và làm gì.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Tại bản khai của ông Trần Kim Tử L2 gửi qua đường bưu điện trình bày: Vào năm 2019 Trần Kim Tử L2 có lên nhà của ông Trương Quang H1 tại Thành phố Hồ Chí Minh để mượn tiền của ông H 150.000.000đồng, khi đi đến nhà ông H1 thì ông L2 có rủ ông L1 đi cùng, ông L2 là người trực tiếp nhận tiền từ ông H1 đưa, hai bên thỏa thuận là hàng tháng sẽ trả tiền lãi cho ông H1 là 4.500.000đồng, ông L2 đóng lãi được 7 tháng, do dịch Covid có xin ông H1 trả tiền gốc, không tính lãi. Ông H1 đồng ý cho nên ông L2 có chuyển trả cho H1 10.000.000đồng, trả được 4 tháng = 40.000.000đồng, hiện nay còn thiếu lại ông H1 số tiền là: 140.000.000đồng. Sau đó ông L2 có trả tiền cho ông H1 chậm trễ, nên ông H1 có đến nhà ông L2 cự cãi, nên từ đó ông L1 thấy anh, em mà cự cãi, nên anh L1 có đưa 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L1 và bà G để đảm bảo cho khoản vay của ông L2, ông L2 còn cho rằng là ông L2 có đưa cho ông H1 thêm 03 lần tiền, mỗi lần là 10.000.000đồng.

Nay ông Trần Kim Tử L2 yêu cầu Tòa án đưa ông L2 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có liên quan trong vụ án

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Trương Quang H1 có người đại diện ông Nguyễn Mạnh K trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Quang H1 về việc yêu cầu vợ chồng ông Huỳnh Tấn L1 và bà Trần Thị G trả lại cho ông H1 số tiền nợ còn lại là 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng). Ông H1 không yêu cầu tính lãi. Sau khi ông L1 và bà G trả đủ số tiền 140.000.000 đồng cho ông H1 thì ông H1 đồng ý trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể là: Một (01) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 291206 do bà Trần Thị G đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Một (01) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số DB 058606 do ông Huỳnh Tấn L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra ông H1 không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Huỳnh Tấn L1 và bà Trần Thị G và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trần Kim Tử L2 - Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét bị đơn ông Huỳnh Văn L1 hiện đang tạm trú tại tổ 01, ấp Tổ S, ấp X, xã N, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long, bà Trần Thị G và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Kim Tử L2 có nơi cư trú tại tổ S, ấp X, xã N, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long, do đó Tòa án nhân dân thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long thụ lý và giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục sơ thẩm được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Xét bị đơn ông Huỳnh Tấn L1, bà Trần Thị G và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Kim Tử L2, đã được Tòa án tổng đạt thông báo việc thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về ngày xét xử vụ án cho các bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã nêu

trên đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Ông Trương Quang H1 xác nhận vào ngày 18/4/2020, ông Huỳnh Tấn L1 (là em vợ của ông H1) nên ông H1 có cho ông L1 vay số tiền 170.000.000 đồng, không tính lãi suất, phương thức trả dần: Vào ngày 01 hàng tháng, ông L1 và bà G có trách nhiệm chuyển trả cho ông H1 số tiền là 10.000.000 đồng hàng tháng cho đến khi nào hết nợ thì thôi. Để làm niềm tin thì ông L1 có thể chấp cho ông H1 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Một (i) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 291206 do bà Trần Thị G đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Một (i) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 058606 do ông Huỳnh Tấn L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông H1 nhận 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L1 và bà G để làm niềm tin chứ các bên không có lập bất cứ Hợp đồng chuyển nhượng hay thế chấp quyền sử dụng đất gì hết.

Kể từ thời điểm vay đến khoảng 03 tháng sau thì ông L1 và bà G có trả cho ông H1 được số tiền 30.000.000 đồng, hiện nay còn nợ lại số tiền là 140.000.000 đồng. Tuy nhiên, từ tháng 7/2020 cho đến nay, ông L1 và bà G không thanh toán vốn đúng hạn như đã thỏa thuận trong hợp đồng vay tiền, nên ông H1 có liên hệ nhiều lần và xuống tận nhà đòi nợ nhưng ông L1 và bà G thất hứa không trả số tiền trên cho ông H1.

Vì vậy, ông Trương Quang H1 khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Huỳnh Tấn L1 và bà Trần Thị G trả lại cho ông H1 số tiền nợ còn lại thiếu là 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng). Ông H1 không yêu cầu tính lãi. Sau khi ông L1 và bà G trả đủ số tiền 140.000.000 đồng cho ông H1 thì ông H1 đồng ý trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể là: Một (01) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 291206 do bà Trần Thị G đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Một (01) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 058606 do ông Huỳnh Tấn L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Qua bản khai ý kiến của ông L1 và bà G không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông H1. Ông L1 cho rằng việc vay tiền thực tế là giữa ông Trương Quang H1 và ông Trần Kim Tử L2 còn ông L1

chỉ là người chứng kiến. Sau một khoảng thời gian do dịch bệnh kéo dài nên ông L2 không có tiền trả gốc và lãi cho ông H1 nên hai bên xảy ra tranh cãi. Vì vậy, ông L1 mới đứng ra thế chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông cho ông H1 và của bà G để đảm bảo khoản vay của ông L2 (Vì ông L2 là em vợ ông L1) nên mới cho mượn thế chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông H1 để làm niềm tin. Ông L1 yêu cầu ông Trần Kim Tử L2 phải có trách nhiệm trả cho ông Trương Quang H1 số tiền nợ 140.000.000đồng. Đồng thời, yêu cầu ông Trương Quang H1 trả lại cho ông 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể là: Một (01) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 291206 do bà Trần Thị G đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Một (01) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số DB 058606 do ông Huỳnh Tấn L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Trần Thị G cũng thống nhất ý kiến trình bày của chồng bà là ông L1 yêu cầu ông Trần Kim Tử L2 phải có trách nhiệm trả cho ông Trương Quang H1 số tiền nợ 140.000.000đồng. Đồng thời, yêu cầu ông Trương Quang H1 trả lại cho ông L1, bà G 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho thấy: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình thì nguyên đơn có xuất trình chứng cứ là “Hợp đồng mượn tiền lập vào ngày 01/4/2022” và 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể như sau: (i) Một là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành DB 058606, số vào sổ cấp GCN: CS 18484 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 15/7/2021 đối với thửa đất số 84, tờ bản đồ số 29, diện tích 123,1m², loại đất trồng cây lâu năm tọa lạc xã N, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long do ông Huỳnh Tấn L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. (ii) Hai là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành DB 291206, số vào sổ cấp GCN: CH 10487 do Ủy ban nhân dân thị xã Z cấp ngày 17/3/2014 đối với thửa đất số 82, tờ bản đồ số 29, diện tích 69,1m², loại đất trồng cây lâu năm tọa lạc xã N, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long do bà Trần Thị G đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xét hợp đồng mượn tiền lập ngày 01/4/2022 có chữ ký của các bên trong hợp đồng gồm ông Huỳnh Tấn L1 (chồng bà G) có mượn của ông

Trương Quang H1 với số tiền là 170.000.000đồng. Như vậy, việc cho ông H1 có cho ông L1 vay tiền là có thật là giữa các bên trên thực tế thể hiện chữ ký của bên cho mượn tiền là ông Trương Quang H1 và bên mượn tiền là ông Huỳnh Tấn L1. Đồng thời, ông H1 có giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L1 và bà G như là tài sản thế chấp để làm niềm tin với nhau, mặc dù các bên không có công chứng Hợp đồng vay tiền và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án ông L1 và bà G cho rằng số tiền đó là của ông Trần Kim Tử L2 vay của ông H1 nhưng ông L1 và bà G không đưa ra chứng cứ chứng minh là việc ông Trần Kim Tử L2 có vay tiền của ông H1, ông L1 và bà G cũng không có ý kiến phản tố hay yêu cầu giám định chữ ký của ông L1 trong Hợp đồng mượn tiền lập ngày 01/4/2022. Tuy nhiên, tại bảng khai của bà G có trình bày là giữa bà G và ông L không cùng hộ khẩu và không tạm vắng, tạm trú cùng địa chỉ với bà G. Xét việc nại ra của bà G là không có căn cứ xem xét. Bởi vì: Tại thời điểm ông L1 ký hợp đồng mượn tiền của ông H1 đến thời điểm Tòa án đưa vụ án ra xét xử thì bà G cũng không có chứng cứ gì chứng minh rằng là giữa bà G và ông L1 không phải là vợ chồng với nhau. Mặc khác bà G cho rằng việc ông L1 mượn tiền của ông H1 bà không biết, không hay, mà bà lại đưa thế chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L1, bà G cho ông H1 làm niềm tin nên đây là chứng cứ chứng minh xác thực việc ông L1 và bà G có nhận số tiền vay của ông H1 170.000.000đồng và thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất số 82 và thửa số 84 cho ông H1.

Mặc dù phía bị đơn ông Huỳnh Văn L1 cho rằng việc vay tiền thực tế là giữa ông Trần Quang H1 và ông Trần Kim Tử L2 còn ông chỉ là người chứng kiến. Sau một khoảng thời gian do dịch bệnh kéo dài nên ông L2 không có tiền trả gốc và lãi cho ông H1 nên hai bên xảy ra tranh cãi. Vì vậy, ông L1 mới đứng ra thế chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông cho ông H1 để đảm bảo khoản vay của ông L2. Tuy nhiên, ông L1 không đưa ra chứng cứ nào chứng minh cho việc ông L2 chính là người trực tiếp vay tiền của ông H1. Nhưng tại bản khai bổ sung lập ngày 15/3/2023, ông H1 cho rằng từ trước đến nay ông H1 hoàn toàn không biết ông Trần Kim Tử L2 là ai, việc vay mượn tiền ông H1 chỉ đưa cho ông L1 và bà G nhận. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông

Huỳnh Tấn L1, bà Trần Thị G và ông Trần Kim Tử L2 để tham gia tại Tòa, nhưng các đương sự vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, xem như các đương sự đã khước từ quyền lợi, nghĩa vụ của mình mà pháp luật đã bảo vệ.

Từ những nhận định đã nêu trên. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Trương Quang H1 có căn cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Buộc vợ chồng ông Huỳnh Tấn L1 và bà Trần Thị G (tên thường gọi M) có trách nhiệm thanh toán lại cho ông Trương Quang H1 số tiền nợ còn lại là: 140.000.000đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

Về lãi suất: Nay tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Trương Quang H1 không có yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền là 140.000.000 đồng, mà ông L1 và bà G trả cho ông Hải, nên Hội đồng xét xử không đặt để giải quyết.

Ngoài ra, ông Trương Quang H1 tự nguyện trả lại cho ông Huỳnh Văn L1 và bà Trần Thị G 02 (Hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mà hiện nay do ông Trương Quang H1 đang quản lý (i) Một là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành DB 058606, số vào sổ cấp GCN: CS 18484 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 15/7/2021 đối với thửa đất số 84, tờ bản đồ số 29, diện tích 123,1m², loại đất trồng cây lâu năm, do ông Huỳnh Tấn L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.. (ii) Hai là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành DB 291206, số vào sổ cấp GCN: CH 10487 do Ủy ban nhân dân thị xã Z cấp ngày 17/3/2014 đối với thửa đất số 82, tờ bản đồ số 29, diện tích 69,1m², loại đất trồng cây lâu năm, đất đều tọa lạc xã N, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long do bà Trần Thị G đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi ông Huỳnh Văn L1 và bà Trần Thị G thanh toán cho ông H1 hết số nợ 140.000.000đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

[4] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4.1] Nguyên đơn ông Trương Quang H1 đã được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, nên ông Trương Quang H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Trương Quang H1 số tiền 3.500.000đồng mà ông H1 đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0013039, ngày 02/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Z.

[4.2] Bị đơn ông Huỳnh Văn L1 và bà Trần Thị G có trách nhiệm trả cho ông Trương Quang H1 số tiền là 140.000.000đồng. Do đó ông L1 và bà G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Được tính như sau: $140.000.000\text{đồng} \times 5\% = 7.000.000\text{đồng}$. Như vậy buộc ông Huỳnh Tấn L1 và bà Trần Thị G (tên thường gọi M) nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là: 7.000.000đồng (Bảy triệu đồng) nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Z.

Xét lời đề nghị của luật sư Nguyễn Quốc H2 – Trưởng Chi nhánh Công ty Luật TNHH Chấn Hoàng & Cộng sự tại Vĩnh Long - Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Trương Quang H1. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của luật sư Nguyễn Quốc H2 - Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Trương Quang H1 là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 91; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1,3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng vào các Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Quang H1.

1.1. Buộc vợ chồng ông Huỳnh Tấn L1 và bà Trần Thị G (tên thường gọi M) có trách nhiệm thanh toán lại cho ông Trương Quang H1

tổng số tiền nợ còn thiếu lại là: 140.000.000đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

Về lãi suất: Nay ông Trương Quang H1 không có yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền là 140.000.000đồng, mà ông L1 và bà G trả cho ông H1, nên Hội đồng xét xử không đặt để giải quyết.

1.2. Ngoài ra, ông Trương Quang H1 tự nguyện trả lại cho ông Huỳnh Văn L1 và bà Trần Thị G 02 (Hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mà hiện nay do ông Trương Quang H1 đang quản lý (i) Một là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành DB 058606, số vào sổ cấp GCN: CS 18484 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 15/7/2021 đối với thửa đất số 84, tờ bản đồ số 29, diện tích 123,1m², loại đất trồng cây lâu năm, do ông Huỳnh Tấn L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. (ii) Hai là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành DB 291206, số vào sổ cấp GCN: CH 10487 do Ủy ban nhân dân thị xã Z cấp ngày 17/3/2014 đối với thửa đất số 82, tờ bản đồ số 29, diện tích 69,1m², loại đất trồng cây lâu năm, đất đều tọa lạc xã N, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long do bà Trần Thị G đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi ông Huỳnh Văn L1 và bà Trần Thị G thanh toán cho ông Trương Quang H1 hết số nợ 140.000.000đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

1.3. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền trên thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Hoàn trả lại cho ông Trương Quang H1 số tiền tạm ứng án phí 3.500.000 đồng theo biên lai thu số 0013039 ngày 02 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Z.

3.2 Buộc ông Huỳnh Tấn L1 và bà Trần Thị G (tên thường gọi M) nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là: 7.000.000đồng (Bảy triệu đồng). Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Z.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Trương Quang H1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các bị đơn ông Huỳnh Tấn L1, bà Trần Thị G và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Kim Tử L2 vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01
- VKSND TX.Bình Minh: 01
- Chi cục THADS TX.Bình Minh: 01
- Đương sự: 05.
- Lưu: 04

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Sương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sơn Mút

Lương Phi Hùng

Nguyễn Thị Tuyết Sương

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01
- VKSND TX.Bình Minh: 01
- Chi cục THADS TX.Bình Minh: 01
- Đương sự: 05.
- Lưu: 04

Nguyễn Thị Tuyết Sương